

Mẫu số 02

CÔNG TY CP SÁCH & THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC QN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /HĐQT-2026

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh

- Mã chứng khoán: QST
- Địa chỉ: Số 10-Phố Long Tiên – Phường Hồng Gai-Quảng Ninh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02033 826332. Fax: 02033 826332

Email: quangpt25@gmail.com; Website: sachquangninh.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2026 tại đường dẫn:

<http://sachquangninh.vn/new/index.php/hoat-dong-cong-ty-qni>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: *Không có*
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025
- Văn bản giải trình LNST năm 2025

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
CHU TỊCH HỢQI



Vũ Thế Hòa

549 - C.T.C.P.
TY
VN
HIẾT BỊ
HỌC
NINH
IG NINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC QUẢNG NINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh theo Quyết định số 3585/QĐ-UB ngày 08/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000334 ngày 14/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Tỉnh Quảng Ninh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101549) và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 19/10/2022.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-TTGDHN ngày 25/11/2008 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán QST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/2/2009.

Vốn điều lệ: 32.400.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2025: 32.400.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 10 Phố Long Tiên, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: (84) 0203.3826332
- Fax: (84) 0203.3829823
- Website: sachquangninh.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế);
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động xuất bản khác;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xuất bản sách;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động tại chợ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 193 người (tại ngày 01/01/2025 là 193 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Vũ Thế Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Vũ Thế Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Nguyễn Trọng Nhã	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Vũ Thế Triệu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Phạm Xuân Trường	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Bà Nguyễn Thị Yến	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Bà Hoàng Thị Kim Khánh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Bà Trần Hoài An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2024
• Bà Vũ Thanh Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2024

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Đinh Văn Nghiêm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023
• Ông Phạm Đình Lập	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Yến	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023
• Ông Vũ Thế Triệu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/04/2022
• Ông Phạm Xuân Trường	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30/06/2022
• Bà Trần Hoài An	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027.

Ngày 16/12/2025, Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị Quyết số 93/2025/NQ-HĐND về việc quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

thường xuyên trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Theo đó, từ năm học 2026-2027, mỗi năm học, học sinh và học viên được cấp miễn phí một bộ sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn để sử dụng trong quá trình học tập tại trường.

Hai chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa, sách tham khảo và ấn phẩm có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

Hội đồng Quản trị đã xem xét tác động của chủ trương này đến tình hình tài chính Công ty tại cuộc họp ngày 31/12/2025. Ban Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tổn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 759.662.228 đồng; Căn cứ kinh nghiệm thực tế trong hoạt động phát hành sách, Hội đồng đã họp ngày 31/12/2025 và quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị ghi sổ đối với nhóm sách bị ảnh hưởng; theo đó tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tương ứng tại 31/12/2025 là 759.662.228 đồng.

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30 Tháng 4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thế Hòa

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 402/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 25/03/2026 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Đinh Thị Ngọc Thuý – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.729.395.436	38.333.062.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.623.298.150	14.280.610.441
1. Tiền	111	6	15.623.298.150	14.280.610.441
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.441.792.946	17.146.555.730
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.396.689.532	7.789.259.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.071.423.667	8.429.179.899
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	2.685.909.778	2.324.174.122
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.712.230.031)	(1.396.057.969)
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.400.389.660	6.716.488.828
1. Hàng tồn kho	141		5.266.385.990	8.454.300.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.865.996.330)	(1.737.811.210)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		263.914.680	189.407.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	263.914.680	189.407.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.808.142.626	73.441.329.166
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		152.220.072	152.220.072
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	152.220.072	152.220.072
II. Tài sản cố định	220		78.388.874.219	61.002.891.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	72.931.724.219	55.545.741.252
- Nguyên giá	222		104.108.037.544	82.237.341.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.176.313.325)	(26.691.599.979)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.457.150.000	5.457.150.000
- Nguyên giá	228		5.582.150.000	5.582.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.000.000)	(125.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	8.471.201.444
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	8.471.201.444
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.267.048.335	3.815.016.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	8.267.048.335	3.815.016.398
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		115.537.538.062	111.774.391.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.321.711.361	62.065.923.719
I. Nợ ngắn hạn	310		54.682.590.823	59.769.909.981
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.954.018.773	7.569.335.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	6.279.728.633	4.493.566.664
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.494.859.316	1.269.644.744
4. Phải trả người lao động	314		9.176.773.439	7.557.296.188
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.281.524.453	2.103.948.329
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		83.333.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.298.674.621	3.278.486.343
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	24.530.160.200	33.101.625.200
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		583.518.388	396.007.039
II. Nợ dài hạn	330		6.639.120.538	2.296.013.738
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	6.639.120.538	2.296.013.738
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.215.826.701	49.708.468.046
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.215.826.701	49.708.468.046
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	32.400.000.000	32.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.400.000.000	32.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(105.100.000)	(105.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	7.316.132.375	5.800.304.769
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	14.604.794.326	11.613.263.277
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.612.159.804	1.507.745.906
- LNST chưa phân phối năm này	421b		11.992.634.522	10.105.517.371
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		115.537.538.062	111.774.391.765

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thế Hòa

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Trần Hoài An

Người lập biểu

Phạm Trung Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	188.114.337.193	202.083.050.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		188.114.337.193	202.083.050.932
4. Giá vốn hàng bán	11	23	150.286.451.707	168.460.580.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		37.827.885.486	33.622.470.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	16.181.282	7.559.136
7. Chi phí tài chính	22	25	1.966.273.395	2.628.977.741
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.966.273.395	2.628.977.741
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	11.946.012.775	11.028.825.052
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	10.895.287.712	9.035.415.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.036.492.886	10.936.811.401
11. Thu nhập khác	31	27	413.054.128	418.687.591
12. Chi phí khác	32		4.827.790	7.301.722
13. Lợi nhuận khác	40		408.226.338	411.385.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.444.719.224	11.348.197.270
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.452.084.702	1.242.679.899
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.992.634.522	10.105.517.371
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.362	2.809
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.362	2.809

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thế Hòa

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Trần Hoài An

Người lập biểu



Phạm Trung Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		193.293.069.308	199.886.730.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(113.068.100.231)	(148.594.222.580)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.107.730.715)	(33.595.319.596)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,25	(2.788.697.271)	(1.292.194.545)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(1.243.053.399)	(881.757.729)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.749.519.941	4.017.175.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.576.944.084)	(6.173.119.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.258.063.549	13.367.291.348
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(14.216.893.169)	(8.905.736.349)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	9.875.529	7.080.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.207.017.640)	(8.898.656.117)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	35.088.065.300	41.267.628.600
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(39.316.423.500)	(31.449.789.800)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21.c	(6.480.000.000)	(6.480.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.708.358.200)	3.337.838.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.342.687.709	7.806.474.031
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	14.280.610.441	6.474.136.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	15.623.298.150	14.280.610.441

Chủ tịch HĐQT



Vũ Thế Hòa

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Trần Hoài An

Người lập biểu

Phạm Trung Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh theo Quyết định số 3585/QĐ-UB ngày 08/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000334 ngày 14/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Tỉnh Quảng Ninh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101549) và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 19/10/2022.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại, dịch vụ và giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế);
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động xuất bản khác;
- Xuất bản sách;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động tại chợ.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 2 đơn vị phụ thuộc, không có tổ chức kế toán riêng gồm:

- Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Văn Lang;
- Trung tâm lễ hành Văn Lang.

2. Sự kiện ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa "Kết nối tri thức với cuộc sống" làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027.

Ngày 16/12/2025, Hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Nghị Quyết số 93/2025/NQ-HĐND về việc quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031. Theo đó, từ năm học 2026-2027, mỗi năm học, học sinh và học viên được cấp miễn phí một bộ sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn để sử dụng trong quá trình học tập tại trường.

Hai chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa, sách tham khảo và ấn phẩm có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

3. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bán lẻ.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

5.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 40
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	4 - 6

5.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	6

5.6 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

5.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

5.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

5.9 Chi phí phải trả

Khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.10 Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ chưa cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

5.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

5.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

5.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

5.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

5.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng
 - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với hoạt động bán thiết bị văn phòng, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Các sản phẩm khác: Áp dụng mức thuế suất 10%. Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với một số sản phẩm của nhóm này theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Đối với hoạt động dạy học của Trường PTHH Văn Lang: Áp dụng thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động (theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5.19 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	549.805.079	1.189.678.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.073.493.071	13.090.932.363
Cộng	15.623.298.150	14.280.610.441

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Phòng giáo dục Hạ Long	438.071.176	11.463.697
Phòng giáo dục Cẩm Phả	593.544.026	546.098.241
Phòng giáo dục Đầm Hà	-	357.068.811
Phòng giáo dục Hải Hà	55.062.063	605.987.244
Các đối tượng khác	3.310.012.267	6.268.641.685
Cộng	4.396.689.532	7.789.259.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Xây dựng Minh An HD	2.045.000.000	485.000.000
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyệt Phong	1.750.000.000	1.150.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu PCCC Quảng Ninh	-	1.300.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sao Việt	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Minh Phương HBO	-	860.000.000
Các đối tượng khác	276.423.667	2.634.179.899
Cộng	6.071.423.667	8.429.179.899

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.819.550.000	-	1.657.430.000	-
Phải thu CBCNV tiền BHXH-BHYT-BHTN	126.695.473	-	-	-
Phải thu khác	739.664.305	-	666.744.122	-
Cộng	2.685.909.778	-	2.324.174.122	-

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	152.220.072	-	152.220.072	-
Cộng	152.220.072	-	152.220.072	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025	01/01/2025
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	1.396.057.969	201.223.132
Dự phòng trích trong năm	1.316.172.062	1.194.834.837
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư dự phòng phải thu cuối năm	2.712.230.031	1.396.057.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.266.385.990	2.865.996.330	8.454.300.038	1.737.811.210
Cộng	5.266.385.990	2.865.996.330	8.454.300.038	1.737.811.210

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2, kể từ năm học 2026–2027, bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” sẽ là bộ sách giáo khoa duy nhất được sử dụng toàn quốc và đối với học sinh, sinh viên trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh được phát sách miễn phí. Các bộ sách khác và ấn phẩm có liên quan sẽ bị ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ do được xem là sách tham khảo, học liệu bổ trợ. Ban Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tổn thất có thể xảy ra trước tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại ngày 31/12/2025 là 759.662.228 đồng; Căn cứ kinh nghiệm thực tế trong hoạt động phát hành sách, Hội đồng đã họp ngày 31/12/2025 và quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị ghi sổ đối với nhóm sách bị ảnh hưởng; tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tương ứng tại 31/12/2025 là 759.662.228 đồng.
- Bên cạnh việc lập dự phòng đối với các loại sách bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất 1 bộ sách giáo khoa kể từ năm 2026 – 2027, tại ngày 31/12/2025 Công ty cũng đã lập dự phòng cho các mặt hàng tồn kho khác do chậm tiêu thụ, lạc hậu với tổng số tiền 2.106.334.103 đồng
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2025.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	76.493.353.724	1.508.617.400	2.140.345.091	1.049.383.516	1.045.641.500	82.237.341.231
Đ/tư XD/CB h/thành	21.499.076.313	-	-	371.620.000	-	21.870.696.313
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	97.992.430.037	1.508.617.400	2.140.345.091	1.421.003.516	1.045.641.500	104.108.037.544
Khấu hao						
Số đầu năm	22.281.891.489	1.169.119.045	1.551.158.613	966.437.849	722.992.983	26.691.599.979
Khấu hao trong năm	3.823.701.537	202.305.273	212.548.136	77.381.000	168.777.400	4.484.713.346
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	26.105.593.026	1.371.424.318	1.763.706.749	1.043.818.849	891.770.383	31.176.313.325
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	54.211.462.235	339.498.355	589.186.478	82.945.667	322.648.517	55.545.741.252
Số cuối năm	71.886.837.011	137.193.082	376.638.342	377.184.667	153.871.117	72.931.724.219

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 4.880.037.523 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 51.357.889.687 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.457.150.000	125.000.000	5.582.150.000
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	5.457.150.000	125.000.000	5.582.150.000
Khấu hao			
Số đầu năm	-	125.000.000	125.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	125.000.000	125.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.457.150.000	-	5.457.150.000
Số cuối năm	5.457.150.000	-	5.457.150.000

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 125.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025 là 5.457.150.000 đồng.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền thuê đất	150.000.000	180.000.000
Các khoản khác	113.914.680	9.407.600
Cộng	263.914.680	189.407.600

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	6.916.743.894	3.017.950.532
Chi phí sửa chữa tài sản	1.350.304.441	797.065.866
Cộng	8.267.048.335	3.815.016.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Trường Phúc	343.897.750	782.657.129
Công ty CP Xây dựng số 2 Quảng Ninh	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục 123	397.239.110	645.686.594
Công ty CP Giáo dục Cánh Diều	716.974.530	235.917.980
Nguyễn Văn Dũng	877.010.800	-
Các đối tượng khác	4.718.896.583	5.005.073.771
Cộng	<u>7.954.018.773</u>	<u>7.569.335.474</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền học phí thu trước	5.709.054.099	4.441.082.605
Các đối tượng khác	570.674.534	52.484.059
Cộng	<u>6.279.728.633</u>	<u>4.493.566.664</u>

17. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	81.692.680	318.504.584	270.156.865	-	130.040.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.042.679.899	1.452.084.702	1.243.053.399	-	1.251.711.202
Thuế thu nhập cá nhân	-	145.234.391	1.584.812.108	1.616.976.558	-	113.069.941
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	123.650.393	123.650.393	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.774	1.709.790	1.709.790	-	37.774
Cộng	-	<u>1.269.644.744</u>	<u>3.491.761.577</u>	<u>3.266.547.005</u>	-	<u>1.494.859.316</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể được thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Lãi vay phải trả	1.281.524.453	2.103.948.329
Cộng	<u>1.281.524.453</u>	<u>2.103.948.329</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	239.344.333	113.971.333
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	-	63.014.857
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.000.000	7.000.000
Phải trả phí phát hành	1.525.268.528	1.697.527.413
Phải trả khác	1.527.061.760	1.396.972.740
Cộng	<u>3.298.674.621</u>	<u>3.278.486.343</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	13.177.732.000	12.614.798.300	20.792.530.300	5.000.000.000
- Ngân hàng Công thương - CN Quảng Ninh	12.277.732.000	12.614.798.300	19.892.530.300	5.000.000.000
- Vay cá nhân	900.000.000	-	900.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	19.923.893.200	13.330.160.200	13.723.893.200	19.530.160.200
- Ngân hàng Công thương - CN Quảng Ninh	1.756.893.200	1.756.893.200	1.756.893.200	1.756.893.200
- Vay cá nhân	18.167.000.000	11.573.267.000	11.967.000.000	17.773.267.000
Cộng	<u>33.101.625.200</u>	<u>25.944.958.500</u>	<u>34.516.423.500</u>	<u>24.530.160.200</u>

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Quỹ bình ổn giá của Nhà nước	100.000.000	-	-	100.000.000
Ngân hàng Công thương - CN Quảng Ninh (*)	3.952.906.938	-	1.756.893.200	2.196.013.738
Vay dài hạn cá nhân (**)	18.167.000.000	22.973.267.000	17.267.000.000	23.873.267.000
Cộng	<u>22.219.906.938</u>	<u>22.973.267.000</u>	<u>19.023.893.200</u>	<u>26.169.280.738</u>
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	19.923.893.200			19.530.160.200
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	<u>2.296.013.738</u>			<u>6.639.120.538</u>

(*) Vay Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 121/2022-HĐCVĐADT/NHCT300-08 ngày 23/03/2022; Hạn mức vay: 9 tỷ đồng; Thời gian vay: 60 tháng; Lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm giải ngân; Mục đích: Xây dựng hạng mục khối nhà chức năng + nhà cầu nối với nhà học hiện trạng của Trường Tiểu học, THCS và THPT Văn Lang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay sau:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Phụ lục hợp đồng vay	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền vay
Bà Phạm Thị Kim Oanh	Số 06/HĐVV/STB/2025 ngày 14/03/2025		13 tháng	5,5%/năm	200.000.000
Bà Vũ Thủy Dương	Số 19/HĐVV/STB/2023 ngày 18/05/2023	Số 15/HĐVV số 19/2023 ngày 18/07/2025	13 tháng	5,5%/năm	2.000.000.000
	Số 04/HĐVV/STB/2024 ngày 29/03/2024	Số 07/HĐVV số 04/2024 ngày 29/04/2025	13 tháng	5,5%/năm	2.400.000.000
	Số 15/HĐVV/STB/2025 ngày 10/09/2025		13 tháng	5,5%/năm	800.000.000
	Số 17/HĐVV/STB/2025 ngày 12/12/2025		13 tháng	5,5%/năm	1.300.000.000
Bà Đồng Thị Oanh	Số 01/HĐVV/STB/2025 ngày 15/01/2025		13 tháng	5,5%/năm	470.000.000
	Số 02/HĐVV/STB/2025 ngày 04/02/2025		13 tháng	5,5%/năm	171.267.000
	Số 03/HĐVV/STB/2025 ngày 28/02/2025		13 tháng	5,5%/năm	289.000.000
	Số 09/HĐVV/STB/2025 ngày 30/06/2025		13 tháng	5,5%/năm	476.000.000
	Số 14/HĐVV/STB/2025 ngày 10/09/2025		13 tháng	5,5%/năm	217.000.000
Bà Vũ Thủy Hải	Số 21/HĐVV/STB/2023 ngày 06/07/2023	Số 13/HĐVV số 21/2023 ngày 06/09/2025	13 tháng	5,5%/năm	1.000.000.000
	Số 05/HĐVV/STB/2025 ngày 12/03/2025		13 tháng	5,5%/năm	2.000.000.000
	Số 18/HĐVV/STB/2025 ngày 12/12/2025		13 tháng	5,5%/năm	3.000.000.000
Bà Đồng Thị Thu	Số 10/HĐVV/STB/2024 ngày 05/08/2024	Số 10/HĐVV số 10/2024 ngày 05/09/2025	13 tháng	5,5%/năm	300.000.000
	Số 04/HĐVV/STB/2025 ngày 28/02/2025		13 tháng	5,5%/năm	350.000.000
	Số 08/HĐVV/STB/2025 ngày 30/06/2025		13 tháng	5,5%/năm	100.000.000
Bà Trần Lan Anh	Số 03/HĐVV/STB/2024 ngày 06/02/2024	Số 05/HĐVV số 03/2024 ngày 06/03/2025	13 tháng	5,5%/năm	500.000.000
	Số 09/HĐVV/STB/2024 ngày 19/07/2024	Số 11/HĐVV số 09/2024 ngày 19/08/2025	13 tháng	5,5%/năm	500.000.000
Bà Vũ Thanh Huyền	Số 10/HĐVV/STB/2025 ngày 01/07/2025		13 tháng	5,5%/năm	1.000.000.000
	Số 11/HĐVV/STB/2025 ngày 31/07/2025		13 tháng	5,5%/năm	2.000.000.000
Ông Phạm Minh Quý	Số 13/HĐVV/STB/2025 ngày 31/07/2025		13 tháng	5,5%/năm	3.000.000.000
	Số 16/HĐVV/STB/2025 ngày 12/12/2025		13 tháng	5,5%/năm	1.800.000.000
Cộng					23.873.267.000

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2024	32.400.000.000	(105.100.000)	4.356.926.535	10.412.250.220
Tăng trong năm	-	-	1.443.378.234	10.105.517.371
Giảm trong năm	-	-	-	8.904.504.314
Số dư tại 31/12/2024	32.400.000.000	(105.100.000)	5.800.304.769	11.613.263.277
Số dư tại 01/01/2025	32.400.000.000	(105.100.000)	5.800.304.769	11.613.263.277
Tăng trong năm	-	-	1.515.827.606	11.992.634.522
Giảm trong năm	-	-	-	9.001.103.473
Số dư tại 31/12/2025	32.400.000.000	(105.100.000)	7.316.132.375	14.604.794.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.240.000	3.240.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.240.000	3.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.240.000	3.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.240.000	3.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.240.000	3.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.613.263.277	10.412.250.220
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	11.992.634.522	10.105.517.371
Phân phối lợi nhuận	9.001.103.473	8.904.504.314
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	9.001.103.473	8.904.504.314
- Chia cổ tức	6.480.000.000	6.480.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.515.827.606	1.443.378.234
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.005.275.867	500.000.000
- Trích quỹ thưởng cho HĐQT	-	481.126.080
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	14.604.794.326	11.613.263.277

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 22-NQ/ĐHĐCĐ-2025 ngày 29/04/2025.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương ứng 6.480.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này bằng tiền trong 6 tháng đầu năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng	93.704.897.487	113.196.526.640
+ Doanh thu sách giáo khoa	75.018.118.223	95.165.499.688
+ Doanh thu sách tham khảo	9.614.834.254	9.638.613.117
+ Doanh thu thiết bị dạy học	2.461.923.702	2.851.597.328
+ Doanh thu bán ấn phẩm, giấy vở, lịch các loại	6.610.021.308	5.540.816.508
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.409.439.706	88.886.524.292
+ Doanh thu hoạt động dạy học	91.456.205.409	76.883.914.949
+ Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	2.384.900.963	12.002.609.343
+ Doanh thu dịch vụ khác	568.333.334	-
Cộng	188.114.337.193	202.083.050.932

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn hàng bán	80.932.182.510	97.097.121.814
+ Giá vốn sách giáo khoa	67.636.843.146	83.735.185.519
+ Giá vốn sách tham khảo	6.818.530.654	7.156.762.738
+ Giá vốn thiết bị dạy học	1.666.529.053	2.107.258.087
+ Giá vốn ấn phẩm, giấy vở, lịch các loại	4.810.279.657	4.097.915.470
Giá vốn cung cấp dịch vụ	68.226.084.077	71.359.394.548
+ Giá vốn hoạt động dạy học	65.371.444.480	59.855.283.692
+ Giá vốn cho thuê phòng nghỉ	398.433.448	-
+ Giá vốn dịch vụ du lịch lữ hành	2.456.206.149	11.504.110.856
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.128.185.120	4.063.774
Cộng	150.286.451.707	168.460.580.136

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.875.529	7.080.232
Lãi ký quỹ	6.305.753	478.904
Cộng	16.181.282	7.559.136

25. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	1.966.273.395	2.628.977.741
Cộng	1.966.273.395	2.628.977.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên bán hàng	7.671.554.478	7.333.017.583
Chi phí phát hành	366.421.801	330.470.500
Chi phí thuê đất của các cửa hàng, nhà sách	624.000.000	607.000.000
Chi phí khấu hao	878.996.998	570.850.949
Chi phí công cụ, dụng cụ	997.931.576	888.438.286
Chi phí khác	1.407.107.922	1.299.047.734
Cộng	11.946.012.775	11.028.825.052

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên quản lý	6.846.731.337	3.945.962.678
Khấu hao TSCĐ	306.654.090	306.654.090
Chi phí công cụ, dụng cụ	389.232.091	425.762.145
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	430.556.756	351.426.700
Chi phí khác	1.605.941.376	2.810.775.288
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu	1.316.172.062	1.194.834.837
Cộng	10.895.287.712	9.035.415.738

27. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Khoản quấy	314.814.814	314.814.814
Cho thuê nhà, hội trường	94.055.889	101.513.518
Các khoản thu nhập khác	4.183.425	2.359.259
Cộng	413.054.128	418.687.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.444.719.224	11.348.197.270
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.076.127.790	1.078.601.722
Điều chỉnh tăng	1.076.127.790	1.078.601.722
- Phí quản lý niêm yết	18.500.000	18.500.000
- Chi phí không được trừ theo Luật thuế	1.057.627.790	1.060.101.722
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	14.520.847.014	12.426.798.992
- Thu nhập của Trường Văn Lang	25.766.792.874	16.746.187.553
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	(11.245.945.860)	(4.319.388.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.452.084.702	1.242.679.899
- Của Trường Văn Lang	1.452.084.702	1.242.679.899
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.452.084.702	1.242.679.899

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.992.634.522	10.105.517.371
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.100.000.000)	(1.005.275.867)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT)	1.100.000.000	1.005.275.867
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.892.634.522	9.100.241.504
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.240.000	3.240.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.362	2.809

- Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại theo số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29/04/2025 thông qua.
- Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 được tính trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng quản trị theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 (số tạm tính là 1,1 tỷ đồng bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi 500 triệu đồng và quỹ thưởng HĐQT 5% Lợi nhuận sau thuế năm 2025) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29/04/2025 thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.455.863.468	9.223.177.669
Chi phí nhân công	52.839.971.861	46.088.298.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.484.713.346	3.525.950.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.129.319.359	15.272.435.420
Chi phí khác bằng tiền	13.841.344.468	16.118.937.872
Cộng	89.751.212.502	90.228.800.501

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động dạy học và kinh doanh sách, thiết bị trường học với một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động dạy học		Hoạt động kinh doanh khác		Tổng cộng	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bộ phận	91.456.205.409	76.883.914.949	96.658.131.784	125.199.135.983	188.114.337.193	202.083.050.932
Chi phí bộ phận	65.371.444.480	59.855.283.692	107.756.307.714	128.669.537.234	173.127.752.194	188.524.820.926
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	26.084.760.929	17.028.631.257	(11.098.175.930)	(3.470.401.251)	14.986.584.999	13.558.230.006
Chi phí lãi vay thuần	392.690.278	383.957.222	1.557.401.835	2.237.461.383	1.950.092.113	2.621.418.605
Lãi hoạt động tài chính khác	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	(392.690.278)	(383.957.222)	(1.557.401.835)	(2.237.461.383)	(1.950.092.113)	(2.621.418.605)
Thu nhập khác	74.722.223	101.513.518	338.331.905	317.174.073	413.054.128	418.687.591
Chi phí khác	-	-	4.827.790	7.301.722	4.827.790	7.301.722
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	74.722.223	101.513.518	333.504.115	309.872.351	408.226.338	411.385.869
Lợi nhuận trước thuế	25.766.792.874	16.746.187.553	(12.322.073.650)	(5.397.990.283)	13.444.719.224	11.348.197.270
Thuế TNDN	1.452.084.702	1.242.679.899	-	-	1.452.084.702	1.242.679.899
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.314.708.172	15.503.507.654	(12.322.073.650)	(5.397.990.283)	11.992.634.522	10.105.517.371
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
Tài sản ngắn hạn	62.135.500	-	28.667.259.936	38.333.062.599	28.729.395.436	38.333.062.599
Tài sản dài hạn	54.361.406.458	50.373.737.830	32.446.736.168	23.067.591.336	86.808.142.626	73.441.329.166
Tổng tài sản	54.423.541.958	50.373.737.830	61.113.996.104	61.400.653.935	115.537.538.062	111.774.391.765
Nợ ngắn hạn	1.756.893.200	1.756.893.200	52.925.697.623	58.013.016.781	54.682.590.823	59.769.909.981
Nợ dài hạn	439.120.538	2.196.013.738	6.200.000.000	100.000.000	6.639.120.538	2.296.013.738
Tổng nợ	2.196.013.738	3.952.906.938	59.125.697.623	58.113.016.781	61.321.711.361	62.065.923.719
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Khấu hao	3.128.009.104	2.648.445.894	1.356.704.242	877.505.039	4.484.713.346	3.525.950.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với hai mảng chính gồm kinh doanh sách và cung cấp dịch vụ đào tạo. Do đó, Công ty phát sinh các khoản chi phí đầu vào liên quan đến hàng hóa (sách, tài liệu học tập) cũng như chi phí phục vụ hoạt động đào tạo như thực phẩm cho dịch vụ bán trú, nhiên liệu và chi phí vận hành phương tiện đưa đón học sinh, cùng các chi phí vận hành khác. Vì vậy, Công ty có thể chịu ảnh hưởng từ biến động giá của các yếu tố đầu vào như giá hàng hóa, giá thực phẩm, giá nhiên liệu và các chi phí dịch vụ liên quan. Trong đó, giá sách và tài liệu học tập nhìn chung tương đối ổn định, trong khi giá thực phẩm và nhiên liệu có thể biến động theo thị trường trong từng thời kỳ nhưng không đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng tồn tại số dư công nợ của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục và các trường học trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Riêng công nợ học phí được thu ngay bằng tiền mặt. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp. Do đó, rủi ro tín dụng đối với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.954.018.773	-	7.954.018.773
Vay và nợ thuê tài chính	24.530.160.200	6.639.120.538	31.169.280.738
Chi phí phải trả	1.281.524.453	-	1.281.524.453
Phải trả khác	3.059.330.288	-	3.059.330.288
Cộng	36.825.033.714	6.639.120.538	43.464.154.252
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.569.335.474	-	7.569.335.474
Vay và nợ thuê tài chính	33.101.625.200	2.296.013.738	35.397.638.938
Chi phí phải trả	2.103.948.329	-	2.103.948.329
Phải trả khác	3.101.500.153	-	3.101.500.153
Cộng	45.876.409.156	2.296.013.738	48.172.422.894

Hiện tại, mặc dù có rủi ro thanh khoản cao nhưng Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.623.298.150	-	15.623.298.150
Phải thu khách hàng	3.684.459.501	-	3.684.459.501
Phải thu khác	739.664.305	152.220.072	891.884.377
Cộng	20.047.421.956	152.220.072	20.199.642.028
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.280.610.441	-	14.280.610.441
Phải thu khách hàng	7.393.201.709	-	7.393.201.709
Phải thu khác	666.744.122	152.220.072	818.964.194
Cộng	22.340.556.272	152.220.072	22.492.776.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê

a. Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất sau với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh

Vị trí	Hợp đồng, Quyết định số	Diện tích đất thuê (m ²)	Mục đích thuê	Giá thuê	Phương thức nộp tiền
Phường Ka Long, TP Móng Cái	199/HĐ-TĐ ngày 26/06/2014	306,2	Cửa hàng sách tự chọn	75.900 đồng/m ² /năm	Nộp tiền hàng năm
Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long	197/HĐ-TĐ ngày 26/06/2014	359	Cửa hàng kinh doanh	189.750 đồng/m ² /năm	Nộp tiền hàng năm
Phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả	198/HĐ-TĐ ngày 26/06/2014	185	Cửa hàng kinh doanh và kho sách	103.500 đồng/m ² /năm	Nộp tiền hàng năm
Phường Yên Thanh, TP Uông Bí	101/HĐ-TĐ ngày 28/09/2010	746,8	Cửa hàng sách tự chọn	36.000 đồng/m ² /năm	Nộp tiền hàng năm
Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	423/QĐ-CT ngày 13/01/2017	9.880	Trường TH-THCS- THPT Văn Lang	Miễn tiền thuê đất đến ngày 11/11/2066	

b. Công ty ký các hợp đồng thuê đất với các tổ chức, cá nhân khác

• Thuê đất tại Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh

Ngày 18/04/2023, Công ty ký Hợp đồng thuê đất với ông Đỗ Xuân Định và bà Bùi Hồng Thúy về thuê đất thuộc thửa đất số Ô 1A, tờ bản đồ số QH khu A, khu Quy hoạch Bắc đường 10 – Xã Yên Giang, huyện Yên Hưng (nay là Khu phố 9, Phường Quảng Yên), Tỉnh Quảng Ninh. Các thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 216 m²;
- Mục đích sử dụng: Xây dựng cửa hàng kinh doanh sách;
- Thời gian thuê: 10 năm (từ ngày 01/06/2023 đến 31/05/2033);
- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm;
- Đơn giá thuê đất: 120.000.000 đồng/năm, giá đất này sẽ tăng theo năm, sau mỗi năm tăng 1.000.000 đồng/tháng.

• Thuê nhà tại Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh

Ngày 26/05/2023, Công ty ký Hợp đồng thuê nhà với ông Lê Văn Năm và bà Vũ Thị Hạnh về thuê nhà tại địa chỉ Tổ 10, Khu 4, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. Các thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 160 m², nhà 2 tầng. Trong đó diện tích tầng 1: 85m²; diện tích tầng 2: 75m²;
- Mục đích sử dụng: Kinh doanh sách và thiết bị trường học;
- Thời gian thuê: 10 năm (từ ngày 01/07/2023 đến 30/06/2033);
- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê nhà hàng năm;
- Đơn giá thuê: 180.000.000 đồng/năm, giá thuê trong 6 năm đầu được giữ nguyên. Giá thuê năm thứ 7 tăng 10% so với năm thứ 6 và được giữ nguyên đến hết năm thứ 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

• Thuê nhà tại Thị xã Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh

Ngày 10/04/2023, Công ty ký Hợp đồng thuê nhà số 01/HDDT với Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ninh về thuê nhà tại địa chỉ số 64, Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh. Các thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: Một phần diện tích từ tầng 1 đến tầng 2 của tòa nhà. Trong đó diện tích tầng 1: 92m²; diện tích tầng 2: 105m²;
- Mục đích sử dụng: Siêu thị sách giáo dục;
- Thời gian thuê: 5 năm (từ ngày 15/05/2023 đến 14/05/2028);
- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê nhà hàng năm;
- Đơn giá thuê: 25.000.000 đồng/tháng, giá thuê từ năm thứ 3 trở đi sẽ được hai bên thương lượng và dựa trên giá trị trường, nhưng mức tăng hoặc giảm giá thuê năm sau không quá 10% so với giá thuê năm trước liền kề.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Vũ Thế Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Hoàng Thị Mong	Người liên quan với ông Vũ Thế Hòa
Bà Vũ Thùy Dương	Người liên quan với ông Vũ Thế Hòa
Bà Vũ Thúy Hải	Người liên quan với ông Vũ Thế Hòa
Bà Vũ Thanh Huyền	Người liên quan với ông Vũ Thế Hòa
Bà Đồng Thị Oanh	Người liên quan với ông Vũ Thế Anh
Bà Đồng Thị Thu	Người liên quan với ông Vũ Thế Anh
Bà Trần Lan Anh	Người liên quan với bà Trần Hoài An
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Bà Hoàng Thị Mong	Vay ngắn hạn	-	500.000.000
	Vay dài hạn	4.000.000.000	1.000.000.000
	Trả nợ gốc vay	13.500.000.000	-
Bà Vũ Thùy Dương	Vay dài hạn	2.100.000.000	2.400.000.000
	Trả nợ gốc vay	-	-
Bà Vũ Thúy Hải	Vay dài hạn	5.000.000.000	-
Bà Đồng Thị Oanh	Vay ngắn hạn	-	200.000.000
	Vay dài hạn	1.623.267.000	897.000.000
	Trả nợ gốc vay	1.567.000.000	600.000.000
Bà Đồng Thị Thu	Vay dài hạn	450.000.000	300.000.000
Bà Trần Lan Anh	Vay dài hạn	-	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trả nợ gốc vay	2.400.000.000	-
Bà Vũ Thanh Huyền	Vay dài hạn	3.000.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2025	01/01/2025
Bà Hoàng Thị Mong	Vay và nợ thuê tài chính	-	9.000.000.000
Bà Vũ Thùy Dương	Vay và nợ thuê tài chính	6.500.000.000	4.400.000.000
Bà Vũ Thúy Hải	Vay và nợ thuê tài chính	6.000.000.000	1.000.000.000
Bà Đồng Thị Oanh	Vay và nợ thuê tài chính	1.623.267.000	1.367.000.000
Bà Đồng Thị Thu	Vay và nợ thuê tài chính	750.000.000	300.000.000
Bà Trần Lan Anh	Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Vay và nợ thuê tài chính	-	1.100.000.000
Bà Vũ Thanh Huyền	Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***d. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

			Năm 2025	Năm 2024
Ông Vũ Thế Hòa	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	219.185.000	194.991.000
		Lương, thưởng	810.614.000	621.265.000
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên HĐQT Giám đốc	Thù lao	150.690.000	134.056.000
		Lương, thưởng	629.865.000	517.015.700
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	Thù lao	150.690.000	134.056.000
		Lương, thưởng	597.476.000	490.510.700
Ông Vũ Thế Triệu	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	Thù lao	150.690.000	134.056.000
		Lương, thưởng	537.066.400	393.238.700
Bà Hoàng Thị Kim Khánh	Thành viên HĐQT Hiệu trưởng	Thù lao	150.690.000	134.056.000
		Lương, thưởng	649.312.496	487.597.867
Bà Trần Hoài An	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng	Thù lao	150.690.000	100.543.000
		Lương, thưởng	528.429.360	369.708.700
Bà Vũ Thanh Huyền	Thành viên HĐQT Hiệu phó	Thù lao	150.690.000	100.543.000
		Lương, thưởng	472.147.535	389.570.033
Ông Vũ Thế Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.343.000	62.965.200
Ông Nguyễn Trọng Nhã	Thành viên HĐQT	Thù lao	75.343.000	62.965.200
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	68.495.000	60.935.000
Ông Đinh Văn Nghiêm	Thành viên BKS	Thù lao	47.947.000	42.654.000
Ông Phạm Đình Lập	Thành viên BKS	Thù lao	47.947.000	42.654.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch HĐQT

Vũ Thế Hòa

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Trần Hoài An

Người lập biểu

Phạm Trung Quang